

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2021/DS-ST

Ngày: 31-12-2021

V/v tranh chấp về hợp đồng góp
hụi và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn.

2. Bà Trần Thị Thanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp về hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị R, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Ngọc B, sinh năm 1977 (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Đinh Thanh P, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 30, ấp V, xã TP, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09-7-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Rẻo trình bày:

Bà yêu cầu chị Đặng Thị Ngọc B và anh Đinh Thanh P phải trả số tiền còn nợ là 440.500.000 đồng, trong đó: Tiền hội 56.000.000 đồng và tiền vay 384.500.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi suất.

Lý do bà yêu cầu như trên:

Do quen biết với nhau vì chị B buôn bán cá tại chợ phường G, thị xã T nên bà có cho chị B tham gia hội và nhiều lần vay tiền như sau:

1. Về phần tiền hội:

Chị B có tham gia 01 dây hội thảo 2.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ hội (hội thảo là chủ hội được lĩnh hội vào lần đầu tiên khi mở hội, chủ hội không được lấy tiền hoa hồng), hội mở ngày 15-3-2020, kết thúc ngày 15-7-2022, gồm 29 phần, chị B tham gia 02 phần và sổ hội ghi tên là B. Đến kỳ hội thứ 2 chị Bích kêu 01 phần hội đầu tiên với số tiền khoảng 400.000 đồng – 500.000 đồng và lĩnh hội được số tiền hơn 40.000.000 đồng. Đến kỳ hội thứ 4 chị B kêu 01 phần hội còn lại với số tiền khoảng 400.000 đồng – 500.000 đồng và lĩnh hội cũng được hơn 40.000.000 đồng. Sau khi lĩnh hội chị B góp tiền hội chết cho đến tháng 5-2021 và từ tháng 6-2021 cho đến nay chị B không tiếp tục góp tiền hội chết. Vì vậy, tính cho đến khi kết thúc hội chị B còn nợ số tiền hội chết là 14 kỳ hội x 2.000.000 đồng/kỳ x 02 phần hội = 56.000.000 đồng.

2. Về phần tiền vay:

Từ đầu năm 2020 đến tháng 6-2021 bà có cho chị B vay tiền nhiều lần với tổng số tiền vay còn nợ là 369.000.000 đồng nhưng cụ thể ngày, tháng các lần vay tiền và vay bao nhiêu tiền bà không nhớ rõ vì khi vay hai bên không có làm giấy tờ gì. Nhưng sau đó chị B có tính chốt lại số tiền còn nợ ghi vào sổ tay của bà là 369.000.000 đồng. Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng đến tháng 01-2021 thỏa thuận lãi lại là 3%/tháng, nhưng chị B không trả tiền lãi cho bà do chị B than thở hoàn cảnh gia đình khó khăn và do tình thương người vì bà là cô giáo nên bà cho chị B từ từ trả tiền nợ gốc, lãi.

Ngoài ra, ngày 11-5-2021 chị B có vay của bà thêm số tiền 20.000.000 đồng và xin góp mỗi ngày 250.000 đồng cho đến khi góp hết số tiền nợ. Việc góp tiền này bà có tự ghi vào sổ tay của bà và chị Bích có góp được 18 ngày với tổng số tiền góp được 4.500.000 đồng rồi chị B ngưng góp nữa cho đến nay. Hiện chị B còn nợ bà số tiền góp này là 15.500.000 đồng.

Tổng cộng chị B còn nợ bà số tiền 440.500.000 đồng, trong đó: Tiền hội là 56.000.000 đồng và tiền vay là 384.500.000 đồng.

Khi cho vay và tham gia hội, bà không có nhận cầm cố hay thế chấp các giấy tờ hay tài sản của chị B. Mục đích chị B lĩnh hội và vay tiền của bà là để dùng vào việc làm vốn buôn bán cá, làm vốn để xạ lúa, mua đồ ăn về cho gia đình ăn uống và lo lắng chi phí sinh hoạt trong gia đình. Khi chị B nợ tiền vay và tiền hội như

trên, bà có gặp chị B để đòi nợ nhưng chị B nói là chờ em của chị B mua phần đất của cha mẹ chị B cho riêng chị B rồi lấy tiền này để trả nợ cho bà, chị B cũng hứa là để em chị B hốt hụi cho mượn tiền để trả cho bà nhưng cho đến nay chị B vẫn chưa trả nợ này.

Bà xác định số tiền nợ hụi và vay như trên là tiền nợ chung của chị B và anh Ph vì chị B vay tiền, tham gia hụi và lĩnh hụi của bà trong khi vẫn còn đang sống chung một nhà với anh P và chị B dùng tiền lĩnh hụi, tiền vay để làm vốn buôn bán lấy lãi tiêu xài, lo mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình của mình, không có tiêu xài cho cá nhân riêng của chị B nhưng hiện nay chị B cho rằng đây là nợ riêng của chị B và không liên quan đến anh Phong là không đúng. Ngoài ra, bà nhận thấy chị B không có cờ bạc hay ăn chơi, mua sắm gì riêng tư cho mình nên bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng chị B và anh P. Vì vậy, bà yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cùng với chị B trả số tiền nợ trên cho bà và bà không đồng ý cho chị B trả góp số nợ này hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng, kể từ tháng 02-2022 cho đến khi trả hết nợ vì đây là số tiền nợ lớn và trả trong tương lai mà không chắc chắn được. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Đặng Thị Ngọc B trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của bà R về việc chị có tham gia, đã lĩnh 02 phần hụi trong 01 dây hụi thảo 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-3-2020 do bà Réo làm chủ hụi, vay của bà R nhiều lần với tổng số tiền là 369.000.000 đồng và tiền góp 20.000.000 đồng. Hiện chị còn nợ bà R tổng cộng là 440.500.000 đồng, bao gồm tiền hụi là 56.000.000 đồng và tiền vay là 384.500.000 đồng. Khi tham gia hụi và vay tiền chị không có thể chấp hay cầm cố giấy tờ, tài sản gì cho bà R.

Mục đích chị tham gia hụi, lĩnh hụi và vay tiền của bà R là để đóng tiền lãi và tiền hụi mà tự chị vay, tham gia hụi mà chồng chị là anh Đình Thanh đều không biết đến việc này. Mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình và lo lắng cho 02 con đi học đều do anh P tự bỏ ra, vì anh P đi làm bảo vệ của Bệnh viện đa khoa Xuyên Á huyện G với thu nhập hàng tháng trung bình từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng nên đủ khả năng lo cho gia đình. Từ trước cho đến nay chị không có cờ bạc hay mua sắm tài sản gì riêng tư cho cá nhân của chị và có khi chị bán cá không hết thì chị có đổi đồ ăn về để cho cả gia đình ăn chung.

Nay bà R yêu cầu chị và anh P cùng có nghĩa vụ trả tổng số tiền còn nợ là 440.500.000 đồng như trên thì chị chỉ đồng ý một mình chị có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền nợ này, nhưng chị xin trả mỗi tháng với số tiền 5.000.000 đồng, kể từ tháng 02-2022 cho đến khi nào hết nợ và chị xác định nợ này là nợ riêng của chị nên anh P không có nghĩa vụ cùng chị trả nợ cho bà R. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đình Thanh P trình bày:

Anh là chồng của chị B và khi chị B tham gia hụi, lĩnh tiền hụi, vay tiền của bà R thì anh không biết cũng như không ai nói cho anh biết. Anh không biết chị B lĩnh tiền hụi, vay tiền của bà R để làm gì nhưng mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình và chi phí lo cho 02 con ăn học đều do một mình anh tự lo lắng. Chị B bắt đầu đi buôn bán cá cách nay gần 06 năm nhưng không có đem tiền về lo lắng cho gia

đình và nhiều lúc anh còn phải cho chị B tiền để tiếp tục kinh doanh buôn bán cá. Nhưng khi chung sống với anh thì chị B không có cờ bạc hay mua sắm tài sản cho cá nhân của chị Bích và đôi khi chị B đi buôn bán cũng có mang thịt về cho gia đình ăn chung.

Do anh không biết chị B tham gia hội, lĩnh tiền hội, vay tiền của bà R và anh không biết chị B còn nợ tiền của bà R với số tiền 440.500.000 đồng nên anh không đồng ý có nghĩa vụ cùng với chị B trả số tiền nợ này như bà Rêu đã yêu cầu, vì anh cho rằng đây là nợ riêng của chị B và không phải là nợ chung của vợ chồng anh.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là ông Trần Anh Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa và người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà R, buộc chị B và anh P cùng có trách nhiệm trả cho bà R 440.500.000 đồng tiền nợ hội và nợ vay. Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự:

Anh P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-7-2021 bà R yêu cầu chị B và anh P phải trả số tiền hội và tiền vay còn nợ nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản” và chị B đang cư trú tại xã TP, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu và lời trình bày của các đương sự:

Bà R yêu cầu chị B và anh P có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 440.500.000 đồng, trong đó: Tiền hội là 56.000.000 đồng và tiền vay là 384.500.000 đồng. Lý do bà R yêu cầu như trên là do chị B có tham gia của bà R 02 phần hội trong đây

hội thảo 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-3-2020, kết thúc ngày 15-7-2022, gồm 29 phần, chị B đã lĩnh 02 phần hội trên và ngưng không đóng lại tiền hội chết từ tháng 6-2021 đến nay, tính đến kết hội hội còn nợ là 56.000.000 đồng; từ năm 2020 đến tháng 6-2021 chị B vay của bà R nhiều lần với tổng số tiền còn nợ là 369.000.000 đồng và chị B còn nợ tiền góp là 15.500.000 đồng. Ngược lại, chị B thừa nhận có tham gia hội, lĩnh hội, vay tiền và hiện còn nợ của bà R với tổng số tiền 440.500.000 đồng như trên nên chị đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền nợ này, nhưng chị xin trả góp hàng tháng với số tiền là 5.000.000 đồng, kể từ tháng 02-2022 cho đến khi nào hết nợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà R đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu và chứng cứ là các giấy tờ có liên quan đến tiền vay và sổ hội đều đã được chị B thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Chị B đồng ý có nghĩa vụ trả cho bà R số tiền nợ 440.500.000 đồng nhưng xin trả góp hàng tháng với số tiền là 5.000.000 đồng, kể từ tháng 02-2022 cho đến khi nào hết nợ nhưng bà R không đồng ý vì cho rằng số tiền nợ này rất lớn, hàng tháng chị B chỉ trả số tiền 5.000.000 đồng với thời gian dự đoán trong tương lai mà không thể chắc chắn được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị B và cần buộc chị B có nghĩa vụ trả số tiền nợ 440.500.000 đồng như trên cho bà R là phù hợp với các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự và các điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[2.2] Xét nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Chị B và anh P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và kể từ khi tham gia hội, lĩnh hội, vay tiền của bà R cho đến nay chị B và anh P vẫn đang sống chung trong thời kỳ hôn nhân. Mặc dù, số tiền mà chị B thừa nhận còn nợ bà R và anh P cho rằng không biết, nhưng đây là số tiền nợ rất lớn, cả chị B và anh P đều thừa nhận khi sống chung chị B không có cờ bạc hay tiêu xài, mua sắm gì cho cá nhân của chị B và đôi khi chị B buôn bán cá có đôi lấy đồ ăn mang về cho cả gia đình cùng ăn chung. Hơn nữa, chị B và anh P còn có 02 người con đang học cấp 2 và cấp 3 nên cần phải lo chi phí cho con cái ăn học, nhưng chị B và anh P lại cho rằng mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do một mình anh P tự lo lắng với mức thu nhập từ việc làm bảo vệ hàng tháng với số tiền từ 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng và chị B buôn bán cá trong thời gian gần 06 năm nhưng lại không mang tiền về lo lắng cho gia đình là hoàn toàn không có căn cứ và phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ xác định số tiền nợ hội, vay của bà R 440.500.000 đồng là nợ chung của chị B và anh P nên cần buộc anh P có nghĩa vụ liên đới cùng với chị B trả số tiền nợ như trên cho bà R là phù hợp với Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tiền lãi: Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Từ những nhận định trên xét thấy toàn bộ đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Do toàn bộ yêu cầu của bà R được Tòa án chấp nhận nên chị B và anh P phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 16, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị R đối với chị Đặng Thị Ngọc B và anh Đinh Thanh P về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị B và anh P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà R số tiền 440.500.000 (*Bốn trăm bốn mươi triệu năm trăm nghìn*) đồng, trong đó: Tiền hụi là 56.000.000 đồng và tiền vay là 384.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận bà R không yêu cầu tính lãi suất.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị B và anh P có nghĩa vụ liên đới chịu 21.620.000 (*Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi nghìn*) đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho bà R số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.810.000 (*Mười triệu tám trăm mười nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0023864 ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh